

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+PPD+TD1	7:25	3+19+0	0+0+0		2+14+6	0+0+0	
2		PVD1	7:25	21	0		22	0	
3		PVD2+PVD1	7:25	21+0	0+0		18+4	0+0	
4		P4+RP3	9:25	22+0	0+0		14+8	0+0	
5		RP3	9:25	20	0		22	0	
6		CLO+BK5+PPD	9:25	4+4+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBBSX

Ghi chú : 1/1 NGUOI KHAI THAC P2 ĐÔI CA QUA PVD2 2/2 NGUOI XN KHÍ ĐI PPD VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2017	TO: PVD2 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Phong - Năm - HUY	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVID WAYNE CLENDENING	PVD2				25	105	KHOAN	American
2	TRAN DUC LOI	PVD2	43-44	2	7	25	70	KHOAN	Vietnamese
3	NONG VAN GIANG	PVD2	45	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN THANH	PVD2	91	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH LIEM	PVD2	46	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	VU HUNG MANH	PVD2	85	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN QUANG TAI	PVD2	700	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGO DINH SON	PVD2	95	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
9	BUI HUU DONG	PVD2	42	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	DAO QUANG QUYET	PVD2	88	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
11	VO XUAN CANH	PVD2	89	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN TRINH	PVD2	41	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
13	DANG THANH TU	PVD2	48	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN DOAN	PVD2	47	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN BINH	PVD2	90	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TRỌNG HAI	PVD2	86-87	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUNG DUNG	PVD2	99	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HIEN	PVD2	94	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VIET HO	PVD2	98	1	14		70	DVL	Vietnamese
20	PHAN VINH TRUONG	PVD2	97	1	7		65	DVL	Vietnamese
21	LUU DINH TRỌNG	PVD2	96	1	15		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	22	140	1.444	50	20		
2	PVD1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	22	140	1.444	50	22		
WEIGHT KG				140	1.444	50			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05-Sep-17	TO: PVD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vậ n - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ XUÂN TUYẾN	PVD1	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN DANG PHUOC	PVD1	30	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
3	DO XUAN CHI	PVD1	18	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	LE HONG THINH	PVD1	17	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
5	CAO VIET HUNG	PVD1	15	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN VONG	PVD1	21	1	5		45	KHOAN	Vietnamese
7	LE SY MINH	PVD1	19	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUAN	PVD1	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU BA	PVD1	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	DO VAN BIEN	PVD1	26	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	VU DINH DE	PVD1	27	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC LAM	PVD1	16	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DAI	PVD1	22	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN TRUNG	PVD1	20	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN THANH TUYẾN	PVD1	32	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CHUONG	PVD1	13	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BÌNH MINH	PVD1	29	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM TUAN TU	PVD1	25,31	2	10		77	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN DỤC	PVD1	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	TRUONG VAN THO	PVD1	14	1	3		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	21	113	1.343	0	22		
	TOTAL	20	21	113	1.343	0	22		
	WEIGHT KG			113	1.343	0			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2017	TO: JS2 - PPD - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LBinh - VTHU - Luy - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC LINH	JS2	22	1	7	40	93	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN CONG QUYET	JS2	23	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
3	LE NHAT THANH	JS2	24	1	6		61	XAYLAP	Vietnamese
4	DO MANH HUNG	PPD				20	74	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CONG	PPD					78	KHI	Vietnamese
6	TRAN DUC QUANG	PPD	56	1	4		71	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HOANG	PPD	55	1	4		69	KHI	Vietnamese
8	NGO XUAN HUONG	PPD	51	1	4		72	KHI	Vietnamese
9	TRAN H ANH PHONG	PPD	53	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	DOAN VAN CAN	PPD	45	1	6		55	KHI	Vietnamese
11	DO VAN TUAN	PPD	58	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	DANG HONG QUAN	PPD	49	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	MAMEEV E.Z	PPD	47	1	13		95	KHI	Russian
14	DUONG CHI TUYEN	PPD	44	1	6		67	KHI	Vietnamese
15	PHAM NGOC HUNG	PPD	50	1	5		76	KHI	Vietnamese
16	TRAN LE RANG	PPD	54	1	10		80	KHI	Vietnamese
17	TRINH VAN CUONG	PPD	52	1	5		71	KHI	Vietnamese
18	TRAN QUOC HUNG	PPD	46	1	5		56	KHI	Vietnamese
19	VU VAN QUYEN	PPD	48	1	5		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VIET DAI	PPD					72	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	57	1	7	49	68	KHI	Vietnamese
22	PHAM DOI	TD1	85	1	6		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	3	3	23	219	40	2		
2	PPD	18	15	89	1.286	69	14		
3	TD1	1	1	6	74	0	6		
TOTAL		22	19	118	1.579	109	22		
WEIGHT KG				118	1.579	109			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2017	TO: RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vãn - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ THÀNH ĐẠT	RP3	67-68	2	10	70	70	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM ĐĂNG TÌNH	RP3	70	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
3	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	RP3	57	1	5		69	CODIEN	Vietnamese
4	LƯƠNG ĐỨC GIANG	RP3	58	1	9		79	CODIEN	Vietnamese
5	HOANG MINH THƯƠNG	RP3	72	1	14		64	CODIEN	Vietnamese
6	REVIKIN V.N	RP3	73	1	15		110	KHI	Russian
7	BUI VĂN HUNG	RP3	74	1	7		74	KHI	Vietnamese
8	HA VĂN THUY	RP3	62	1	5		72	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KỶ	RP3	60	1	3		66	KHI	Vietnamese
10	NGÔ THANH LAM	RP3	69	1	2		69	KHI	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC KHANH	RP3					85	KHI	Vietnamese
12	ASTAKOV A.N	RP3					91	KHI	Russian
13	NGUYỄN VĂN VĨNH	RP3	63-64	2	5		74	KHI	Vietnamese
14	HOANG VĂN HAI	RP3	77	1	8		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HUNG	RP3	71	1	5		74	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	65	1	2		73	KHI	Vietnamese
17	LÊ MINH PHỤNG	RP3	75	1	5	6	77	KHI	Vietnamese
18	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	59	1	10		61	KHI	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG LINH	RP3	66	1	4		77	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3	76	1	7		86	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRONG TAM	RP3	61	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	21	127	1.569	76	22		
	TOTAL	21	21	127	1.569	76	22		
	WEIGHT KG			127	1.569	76			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Sep-17	TO: P4 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LBình - VTHU - Luy - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KỶ	P4	42-43	2	17		70	YTE	Vietnamese
2	LƯU QUỐC NHẬT	P4	54-55	2	10		67	D-HANH	Vietnamese
3	QUAN ĐỨC THĂNG	P4	53	1	4		60	D-HANH	Vietnamese
4	ZEMLIANOV	P4	46	1	5		80	D-HANH	Russian
5	NGUYỄN QUANG THĂNG	P4				55	70	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P4	59-60	2	16		70	D-HANH	Vietnamese
7	ANSEROV . V	P4					80	KH-THAC	Russian
8	LE VĂN HOÀN	P4	48	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	LƯU ĐỨC HẰNG	P4	40	1	5		78	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	P4	61	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	52	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC DUY	P4	47	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	TẠ VĂN QUYNH	P4					75	KHI	Vietnamese
14	TRẦN ĐẠI	P4	49-50	2	17		70	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHÚC	P4	38	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	51	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	39	1	4		70	KHI	Vietnamese
18	LÊ QUANG VINH	P4	41	1	5		64	KHI	Vietnamese
19	KONONENKOV	P4	45	1	5		88	NIPI	Russian
20	MIRSAITOV	P4	44	1	5		88	NIPI	Russian
21	MAI SINH CUNG	P4	56-57	2	13		65	T-TIN	Vietnamese
22	VU ANH MINH	P4	58	1	5		70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	24	140	1.569	55	14		
2	RP3	0	0	0	0	55	8		
TOTAL		22	24	140	1.569	110	22		
WEIGHT KG				140	1.569	110			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2017	TO: CLO - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Phong - Năm - HUY	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	CLO	03	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH THƯỜNG	CLO	02	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SANG	CLO	04-05	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRÌNH HỮU CÂN	CLO	07	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HUU HUAN	CLO	06	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
6	DEMIN	CLO	01	1	10		105	KHOAN	Russian
7	PHẠM NGỌC ĐÌNH	BK5	31-32	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯU VĂN LÂM	BK5	28	1	10	30	65	XAYLAP	Vietnamese
9	HA XUÂN THANH	BK5	29-30	2	15	20	70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK5	26-27	2	14		52	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ VĂN SÔNG	PPD	67	1	3		72	KHI	Vietnamese
12	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	74	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT KÝ	PPD	75	1	5	90	67	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NĂM	PPD	72	1	6		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	76	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	LÊ TRUNG LÂN	PPD	70-71	2	14		76	KHI	Vietnamese
17	SUBRAMANIAM PRKASAM	PPD					66	KHI	Singapore
18	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	68-69	2	17		63	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY ĐẠT	PPD					69	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TU	PPD	73	1	10		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	7	71	460	0	0		
2	BK5	4	7	55	257	50	0		
3	PPD	10	10	65	690	90	22		
TOTAL		20	24	191	1.407	140	22		
WEIGHT KG				191	1.407	140			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	11	0		19	0	
2		DD8+P4	7:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
3		PPD+TD3+RP2	7:25	14+1+6	0+0+0		8+5+9	0+0+0	
4		RP1+DD8	9:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
5		MRM	11:00	9	0		18	0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Sep-17	TO: MRM	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Thanh - TÙNG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV MIKHAIL	MRM	43	1	7		140	KHOAN	Russian
2	ZIGALO	MRM	44	1	10		100	KHOAN	Russian
3	AKMADULLIN	MRM	45	1	7	66	88	KHOAN	Russian
4	TRAN QUANG HUY	MRM	48	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
5	SHLYK VIKTOR	MRM	40	1	9		106	KHOAN	Russian
6	KOBZEV MIKHAIL	MRM	41	1	5		82	KHOAN	Russian
7	GAREEV TIMUR	MRM	37	1	7		103	KHOAN	Russian
8	MIROPOLTSEV ANATOLII	MRM	42	1	5		100	KHOAN	Russian
9	ZGONIK VADIM	MRM	38-39	2	17		95	KHOAN	Russian
10	KOPINOV ALEKSANDR	MRM	46-47	2	15		88	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	12	94	980	66	19		
	TOTAL	10	12	94	980	66	19		
	WEIGHT KG			94	980	66			

GRAND TOAL: 1.140 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2017	TO: DD8 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LBinh - Luy - Huy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MANH HAI	DD8	72	1	7	18	65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRUONG TAN LOI	DD8	77-78	2	13	15	82	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐAO AN TUAN	DD8	76	1	8		51	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VI	DD8	75	1	7		80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SANG	DD8	79	1	7	20	70	XAYLAP	Vietnamese
6	LE QUANG CUONG	DD8	63	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
7	AARON MICHAEL MANNION	DD8	62	1	13		114	KHOAN	Australian
8	SANFORD STANISLAUS D'MELLO	DD8	70-71	2	16		71	KHOAN	Indian
9	FRAYLEE	DD8	22	1	7		88	KHOAN	Indonesian
10	TRAN TUAN DUNG	DD8	23	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
11	HO DUY HOANG	DD8	69	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUC TUOI	DD8	66	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
13	LE TRUNG KIEN	DD8	20	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CU	DD8	24	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THANG	DD8	25	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TRUNG	DD8	65	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
17	TU DUONG HUNG	DD8	61	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN DUNG	DD8	21	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUY HOA	DD8	67	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH VAN DUOC	DD8	68	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DAO	DD8	64	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
22	DAVID JOHN SABAH	DD8	74	1	10	22	85	KHOAN	American

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD8	22	24	176	1.627	75	16		
2	P4	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	24	176	1.627	75	22		
WEIGHT KG				176	1.627	75			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2017	TO: PPD - TD3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHai - Vn - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE HAI	PPD	88	1	11		88	XAYLAP	Vietnamese
2	TA VAN CUONG	PPD	398	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐAO NGOC HAI	PPD	94	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HUU TIEN	PPD	99	1	14	13	83	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐO TIEN MANH	PPD	82-83	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH ĐAC HUNG	PPD	87	1	20		64	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VAN NIN	PPD	700,400	2	13		69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH TOI	PPD	93	1	7		66	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN TRA	PPD	84	1	6		80	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN BA	PPD	95-96	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN BO	PPD	85-86	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN ĐUC TUYEN	PPD	97-98	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
13	LE HONG CUONG	PPD	91	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI MANH HA	PPD	89-90	2	16		86	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN THUONG VU	TD3	67	1	10	17	86	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM HONG QUY	RP2	58	1	10		67	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN TUYET	RP2	59	1	12		67	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN ĐONG	RP2	56	1	11	20	70	DVL	Vietnamese
19	LUU HONG THU	RP2	53	1	7		50	DVL	Vietnamese
20	VÓ CHÍ THANH	RP2	54	1	10		75	DVL	Vietnamese
21	ĐOAN PHUC HOANG	RP2	57	1	9		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	20	203	1.031	13	8		
2	TD3	1	1	10	86	17	5		
3	RP2	6	6	59	406	20	9		
TOTAL		21	27	272	1.523	50	22		
WEIGHT KG				272	1.523	50			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Sep-17	TO: RP1 - DD8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LBình - Luy - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO VĂN GIÁP	RP1	94	1	15		87	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN ĐÌNH MINH	RP1	76-77	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
3	VÕ NGUYỄN MINH PHƯỚC	RP1	70-71	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ TRI HAI	RP1	84-85	2	20	10	60	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯU ĐỨC THỊNH	RP1	86-87	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	RP1	78	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	83	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN ĐẠO	RP1	75	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
9	VÕ NGỌC CHÍNH	RP1	88-89	2	10		88	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH HÙNG	RP1	81-82	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN HÙNG	RP1	73-74	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN BĂNG	RP1	92-93	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC VIỆT	RP1	79-80	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐỨC THO	RP1	90-91	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	RP1	72	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LE ANH TUAN	DD8	89	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TU HIEN	DD8	88	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
18	NGO VAN GIAO	DD8	90	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN BAO CHIEN	DD8	85	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	BUI CONG MINH	DD8	92	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
21	LAI CAO THANH	DD8	91	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM MINH TRONG	DD8	86-87	2	10		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	25	234	1.062	10	14		
2	DD8	7	8	56	477	0	8		
TOTAL		22	33	290	1.539	10	22		
WEIGHT KG				290	1.539	10			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Sep-17	TO: MRM	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:15
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HHai - Thủy	ETA: 14:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	86-87	2	15		105	KHOAN	Russian
2	POGIEV VADIM	MRM	85	1	9		86	KHOAN	Russian
3	RATUSHNYI EVGENII	MRM					78	KHOAN	Russian
4	NAUMOV CERGEY	MRM	80-81	2	15		82	KHOAN	Russian
5	SHEVELEV ALEKSEI	MRM	84	1	5		135	KHOAN	Russian
6	MARTYNENKO SERGEI	MRM	88-89	2	10		78	KHOAN	Russian
7	LE MINH HOAN	MRM	82-83	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN MAN	MRM	79	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
9	BUI DUC CHUYEN	MRM	78	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
10	LE XUAN HIEP	MRM	76-77	2	14	44	65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	14	93	826	44	18		
	TOTAL	10	14	93	826	44	18		
	WEIGHT KG			93	826	44			

GRAND TOAL: 963 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	GTCl+BK16+JS2	7:25	9+9+4	0+0+0	7+5+10	0+0+0		
2	406	BK9+JS2+RP2	7:25	2+20+0	0+0+0	0+20+2	0+0+0		
3	410	P1+BK5+CTK3	7:25	10+0+12	0+0+0	4+3+15	0+0+0		
4	426	VSP01-TD5+AMD	9:25	3+19	0+0	0+22	0+0		
5	410	PPD+RP1	9:25	20+0	0+0	19+2	0+0		
6	406	AMD+HSD	9:25	18+4	0+0	18+4	0+0		
7	426	AMD+PPD+RP3	11:25	10+11+0	0+0+0	2+8+12	0+0+0		
8	406	P4+CTK3+BK16	11:25	3+19+0	0+0+0	0+17+4	0+0+0		
9		T.JUNG	12:00	15	0	15	0	CHECK IN 11H00	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/BK16 4 NGƯỜI AT CAP 4 ĐI VỀ TRONG NGÀY 1/1 NGƯỜI VSP02 CHUYỂN SANG RP1 ĐỂ VỀ.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2017	TO: GTC1 - BK16 - JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - Hoi - Luy - Vu	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUI TAN	GTC1	33-34	2	8		76	CHI CUC DI	Vietnamese
2	NGUYEN NAM THAI	GTC1	32	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG MANH	GTC1	30	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THANH HOAT	GTC1	29	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH HAI	GTC1	28	1	6	55	69	KH-THAC	Vietnamese
6	HO KHAC VAN	GTC1	36	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
7	DANG TRAN KHANH	GTC1	40	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	35	1	3		61	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG LAN	GTC1	31	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN BA CUONG	BK16					80	D-HANH	Vietnamese
11	ĐINH TRUNG KIEN	BK16					68	D-HANH	Vietnamese
12	PHAN THI THUY NGA	BK16					56	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THO	BK16				55	90	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VAN SON	BK16	21	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LIEU	BK16	18	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY TUAN	BK16	19	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN HA	BK16	25	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO XUAN HANH	BK16	20	1	5		78	PSV	Vietnamese
19	PETER DANE	JS2	17-18	2	18		85	KHOAN	Australian
20	EDWIN PINTO	JS2	21-22	2	10		115	KHOAN	Indian
21	FERRY KURNIAWAN	JS2	23	1	10		77	KHOAN	Indonesian
22	AULIA LUTHFIANSYAH	JS2	19-20	2	16		74	KHOAN	Indonesian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	9	10	55	597	55	7		
2	BK16	9	5	29	659	55	4		
3	JS2	4	7	54	351	0	10		
TOTAL		22	22	138	1.607	110	21		
WEIGHT KG				138	1.607	110			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Sep-17	TO: BK9 - JS2 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Năm - Trưởng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ THẾ HẬU	BK9	88	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TRANG	BK9	89	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VO HUNG KHA	JS2	04-05	2	20	20	90	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TUAN NGHIA	JS2	71	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CANH	JS2	68	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HAI	JS2	01	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	03	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC MANG	JS2	02	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
9	LE THANH NGOC	JS2	70	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
10	LE DUC BINH	JS2	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI LAM	JS2	94-95	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
12	LUU VAN LOI	JS2	91	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM MINH NGOC	JS2	92	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUU HAO	JS2	93	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN TIEN	JS2	98	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN HOAI NIEM	JS2	84	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHUC	JS2	82-83	2	20		65	KHOAN	Vietnamese
18	VO VAN DINH	JS2	97	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
19	IIUA QUANG TAM	JS2	86-87	2	20		64	KHOAN	Vietnamese
20	CHU VAN HIEU	JS2	88	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	LE QUYET THANG	JS2	89-90	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THANH	JS2	85	1	12		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	2	2	17	140	0	0		
2	JS2	20	25	207	1.378	20	20		
3	RP2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	27	224	1.518	20	22		
WEIGHT KG				224	1.518	20			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2017	TO: P1 - BK5 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Vận - TTrung - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THÈ QUANG	P1	68	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN ĐÔNG	P1	70	1	16		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUỐC KHÔI	P1	69	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN LÊ ĐĂNG QUANG	P1	72-73	2	14		77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUẤN	P1	63	1	13		75	DVL	Vietnamese
6	CU NGỌC HỒNG	P1	65	1	10		78	DVL	Vietnamese
7	VÔ XUÂN THIỆU	P1	64	1	5		65	DVL	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN THẠO	P1	66	1	10		75	DVL	Vietnamese
9	VƯƠNG KIẾN QUỐC	P1	67	1	5		75	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN CHI CUÔNG	P1	71	1	5	55	65	NIPI	Vietnamese
11	LÊ HUY TÂM	CTK3	34	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	DINH MẠNH DUC	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese
13	PHẠM THANH HAI	CTK3	33	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG VIỆT	CTK3	35	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TRUNG	CTK3	31	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	37	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN QUY	CTK3	32	1	10		102	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN DAN	CTK3	36	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MẠNH ĐẠO	CTK3	29	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TIẾN PHƯƠNG	CTK3	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG HA	CTK3	28	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	10	11	98	726	55	4		
2	BK5	0	0	0	0	20	3		
3	CTK3	12	10	58	912	0	15		
TOTAL		22	21	156	1.638	75	22		
WEIGHT KG				156	1.638	75			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2017	TO: AMD - HSD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Năm - Trưởng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG LONG	AMD	70-71	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	DUƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	65	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐOÀN ĐUẬN	AMD	68	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH NGOAN	AMD	61	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	66	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN ĐẠT	AMD	72	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NHƯ BAO CHUÔNG	AMD	68	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG DUY	AMD	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIỆU	AMD	74-75	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	62-63	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI BA HÙNG	AMD	64	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ANH HAO	AMD	76-77	2	14		51	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN HOANG	AMD	78-79	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU QUANG HIEU	AMD	82-83	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
15	TENG AH CHIN	AMD	80-81	2	17		85	KH-THAC	Singapore
16	NGUYỄN THE DUNG	AMD	84-86	3	15		54	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	73	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGOC ANH	AMD	87-88	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THỤ	HSD	65	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	64	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN THANH	HSD	62-63	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
22	HY TẠC SANG	HSD	60-61	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	28	176	1.226	0	18		
2	HSD	4	6	41	279	0	4		
TOTAL		22	34	217	1.505	0	22		
WEIGHT KG				217	1.505	0			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2017	TO: PPD - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Vận - TTrung - PTUẤN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PIATOB C. V.	PPD	36	1	10		97	KH-THAC	Russian
2	PHAN VĂN THĂNG	PPD	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	PPD	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	31	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	29	1	5	80	55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	30	1	10	55	85	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ MAU MÈN	PPD	43	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH TIỀN	PPD	25	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH LONG	PPD	35	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG LƯƠNG HOAN	PPD	26	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HẢI	PPD	39	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH DUY NAM	PPD	32	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH QUANG	PPD	38	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	37	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ HIỀN THANH	PPD	41	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	23-24	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN BA	PPD	40	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	28	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	90	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG TUNG HUYNH	PPD	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	21	112	1.362	135	19		02 KHACH NB: NGUYEN HUU THO, DINH QUOC HUNG
2	RP1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	21	112	1.362	135	21		
WEIGHT KG				112	1.362	135			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Sep-17	TO: VSP01 - TD5 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - Hoi - Luy - Vu	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH DUC	VSP01	04	1	5		86	CODIEN	Vietnamese
2	DANG QUANG LOC	VSP01	05	1	9		64	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN MINH TUNG	VSP01	06	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN HONG QUYET	VSP01	07	1	8		67	CO DIEN	Vietnamese
5	GRAHAM SLAPP	AMD	83	1	10	60	85	KH-THAC	Australian
6	K' LỘC	AMD	094	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	89	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TUAN THANH	AMD	86	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SANH	AMD	392	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	91	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO THANH TUAN	AMD	95-96	2	17		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HOANG	AMD	90	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HONG LINH (PVDT)	AMD	52	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HONG THAI (PVDT)	AMD	391	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC ĐỨC (PVDT)	AMD	84	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
17	VU XUAN ĐỨC	AMD	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THE HAO	AMD	93-94	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG KIEN (VSP)	AMD	200,51	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN THE	AMD	87-88	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO VAN SAU	AMD	393	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	90	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	4	4	29	292	0	0		
2	TD5	0	0	0	0	0	1		
3	AMD	18	22	142	1.313	60	21		
TOTAL		22	26	171	1.605	60	22		
WEIGHT KG				171	1.605	60			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Sep-17	TO: AMD - PPD - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hòì - VThắng - Luy - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HUU QUANG	AMD	95-96	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	99	1	5		71	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN PHONG	AMD	400	1	5		64	PSV	Vietnamese
4	PHAM VAN TUAN	AMD	98	1	6		80	PSV	Vietnamese
5	ĐỒ ĐỨC CHI	AMD	58	1	3		60	PSV	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC THẮNG	AMD	93	1	7		86	PSV	Vietnamese
7	KIỀU VAN TUAN	AMD	94	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	PHAN VAN HOA	AMD	60	1	4		70	PSV	Vietnamese
9	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	59	1	5		55	PSV	Vietnamese
10	TRẦN KHOA BANG	AMD	97	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRI PHUONG	PPD	04	1	4	38	66	H-DONG	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG SON	PPD	93-95	3	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HA	PPD	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH TUAN	PPD	98	1	12		64	CODIEN	Vietnamese
15	TRINH NGOC TU	PPD	96	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN HIỆP THANH	PPD	99	1	9		85	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG TUAN	PPD	800	1	7		64	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	97	1	8		69	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAU	PPD	91	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese
20	BUI QUANG NINH	PPD	01	1	8		68	YTE	Vietnamese
21	NGUYEN MANH TUNG	PPD	02-03	2	18		76	YTE	Vietnamese
22	PHẠM VĂN GIANG	PPD					62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	11	60	700	0	3		
2	PPD	12	14	89	822	38	8		
3	RP3	0	0	0	0	70	11		
TOTAL		22	25	149	1.522	108	22		
WEIGHT KG				149	1.522	108			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Sep-17	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Thanh - ATUÁN	ETA: 15:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC HIEU	BK THIE	07	1	10		69	PVD	Vietnamese
2	PHAM HONG SON	BK THIE	15	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
3	VO CHIEN THANG	BK THIE	11	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TRAN SON	BK THIE	05	1	3	36	58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG KIEN	BK THIE	14	1	4	39	65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC TOAN	BK THIE	12	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC BINH	BK THIE	13	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN HOA	BK THIE	02	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	HO VAN TINH	BK THIE	01	1	4		53	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	04	1	6		60	PSV	Vietnamese
11	LUONG CONG DAT	BK THIE	09	1	10		63	PSV	Vietnamese
12	LE HUU VINH	BK THIE	06	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	08	1	6		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	BK THIEN UNG	13	13	75	837	75	15	
	TOTAL	13	13	75	837	75	15	
	WEIGHT KG			75	837	75		

GRAND TOAL: 987 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2017	TO: P4 - CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - VTHU - Năm - DTùng	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TO TIEN HUNG	P4	66-67	2	13		79	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG HOAN	P4	65	1	9		64	CODIEN	Vietnamese
3	VU VAN TINH	P4	68	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
4	VU XUAN TRUC	CTK3	53	1	3	45	59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HAI	CTK3	44	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	50	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	SKRIPLOV	CTK3	52	1	10		81	KH-THAC	Russian
8	PONOMARENKO	CTK3	51	1	11		90	KH-THAC	Russian
9	LE XUAN DAT	CTK3	46	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH KHOAT	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO VAN MINH	CTK3	48-49	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO DINH THAM	CTK3	40	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DUC HIỆP	CTK3	39	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG MẠN	CTK3	45	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HONG SON	CTK3	55	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN DIEM	CTK3	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO DUC THANG	CTK3				30	65	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG VAN BINH	CTK3	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TUNG DUONG	CTK3	38	1	5		66	ANTOAN	Vietnamese
20	VÔ THANH HỒNG	CTK3	42	1	5	40	61	T-TIN	Vietnamese
21	DẶNG MINH VƯƠNG	CTK3	43	1	4		51	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN VAN HUU	CTK3	41	1	4		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	4	27	213	0	0		
2	CTK3	19	18	110	1.269	115	17		
3	BK16	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	22	137	1.482	115	22		
WEIGHT KG				137	1.482	115			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	424	TD1	7:25	22	0		22	0	
2	406	CLO+GTCl+PVD1	7:25	14+8+0	0+0+0		14+0+7	0+0+0	
3	424	P8+CLO	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
4	406	TD1+P6	9:25	8+14	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08-Sep-17	TO: CLO - GTC1 - PVD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBình - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLOTOV VITALY	CLO	14	1	5		80	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN LUC	CLO					72	DSONG	Vietnamese
3	TRINH DUY THANH	CLO	15	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN LY	CLO	10	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
5	PETROV	CLO				20	80	KHOAN	Russian
6	CHELESHENKO	CLO	11	1	8		110	KHOAN	Russian
7	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN TRUNG THANH	CLO	09	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN SINH	CLO	12	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	VU NGOC LUAN	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VAN HOI	CLO					65	KHOAN	Vietnamese
12	CHU ĐỨC AI	CLO	08	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG THAI ANH	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	13	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM ĐÌNH HÙNG	GTC1	44	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TOÀN	GTC1	42-43	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN AI	GTC1	45	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	GTC1	41	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC SANG	GTC1	48-49	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI NGOC HOANG	GTC1	47	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TRUNG	GTC1	50-51	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN VĂN HUYỀN	GTC1	46	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	8	47	1.092	20	14		
2	GTC1	8	11	96	543	0	0		
3	PVD1	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	19	143	1.635	20	21		
WEIGHT KG				143	1.635	20			

GRAND TOTAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2017	TO: TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Bằng - DLONG - ĐANG - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZEV	TD1	22	1	5	60	101	KHOAN	Russian
2	LE TRONG LUONG	TD1	430	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	26	1	3		83	KHOAN	Vietnamese
4	LUU THIEN ĐỨC	TD1	87	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM CONG TIEN	TD1	18	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DANH QUY	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
7	LE QUANG ĐÌNH	TD1	24	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN HOAN	TD1	30	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN THƯƠNG	TD1	25	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN DUY	TD1	88	1	4	21	62	KHOAN	Vietnamese
11	QUACH TRUNG LE	TD1	23	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
12	HUYNH HUU HUNG	TD1	29	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	TRUONG ĐAI TRAO	TD1	19-20	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM TAT LUC	TD1	27-28	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN UAN	TD1	91	1	7		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC PHU	TD1	32	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THANH CONG	TD1	33	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	HOANG MINH PHONG	TD1	86	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN BAY	TD1	34	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TIỆP	TD1	92-93	2	14		78	DVL	Vietnamese
21	VU ĐÌNH TUAN	TD1	21	1	10		80	DVL	Vietnamese
22	DUONG XUAN KHOI	TD1	31	1	13		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	131	1.584	81	22		
	TOTAL	22	24	131	1.584	81	22		
	WEIGHT KG			131	1.584	81			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2017	TO: TD1 - P6	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Bằng - DLONG - ĐANG -	ETA: 11:15
VANG-2		Năm	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG THANH	TD1	31	1	10		65	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYEN THE DANH	TD1	32	1	13		70	T-TIN	Vietnamese
3	TRIEU MINH HONG	TD1					66	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN THUAN	TD1	36	1	5		75	PSV	Vietnamese
5	HA VAN THIEU	TD1	33	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	ĐAU ĐỨC HUNG	TD1	34-35	2	12		60	PSV	Vietnamese
7	ĐAU VIỆT BAC	TD1	37	1	5		72	PSV	Vietnamese
8	BABUSHEV	P6	20	1	10		93	ANTOAN	Russian
9	VU HUU KE	P6	06	1	14		84	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LY	P6	23	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN SANH TRUONG	P6	24-25	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUYEN	P6	17-18	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO XUAN ĐANG	P6	19	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN THUY	P6	11-12	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN MINH	P6	15-16	2	18	17	60	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN NGOC QUYET	P6	07-08	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGO HONG THANH	P6	05	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG CHUNG	P6	09-10	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN BA QUY	P6	27-28	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM BA HOANG	P6	21-22	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	VU THANH LONG	P6	13-14	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	7	50	468	0	6		
2	P6	14	23	197	975	17	16		
TOTAL		21	30	247	1.443	17	22		
WEIGHT KG				247	1.443	17			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08-Sep-17	TO: P8 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBinh - CHIẾN - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THE VINH	P8	23-24	2	15		95	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LOI	P8	14-15	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BANG	P8	06	1	6		67	XAYLAP	Vietnamese
4	VU TRONG HOE	P8	17-18	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI XUAN NGOC	P8	20-21	2	15	35	65	XAYLAP	Vietnamese
6	LE DINH NINH	P8	19	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
7	DINH VAN TUAN	P8	13	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese
8	QUAN VAN KHANH	P8	16	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM ANH TUAN	P8	22	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN QUANG QUYEN	CLO	18	1	5		70	NHA THAU	Vietnamese
11	DUONG MINH VIET	CLO	29-30	2	20		60	DVL	Vietnamese
12	LA MINH TU	CLO	28	1	12		57	DVL	Vietnamese
13	BUI TRAN QUANG	CLO	27	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC THĂNG	CLO	21	1	5		98	PSV	Vietnamese
15	LE MINH MINH	CLO	19	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	MAI TU HAI	CLO	24	1	7		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUY ĐÔNG	CLO					68	PSV	Vietnamese
18	VU MẠNH HƯƠNG	CLO	20	1	5		52	PSV	Vietnamese
19	LAI DINH HAI	CLO	22	1	7		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUAN	CLO	26	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TUNG	CLO	23	1	6		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAU	CLO	25	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	9	13	119	616	35	8		
2	CLO	13	13	85	904	0	14		
TOTAL		22	26	204	1.520	35	22		
WEIGHT KG				204	1.520	35			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	610	MRM	7:25	1	0		19	0	
2	426	TD2+CLO+JS2	7:25	17+1+4	0+0+0		14+4+3	0+0+0	
3	426	PVD2+RP2	9:25	3+14	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Sep-17	TO: TD2 - CLO - JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - NNam	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LONG	TD2	01	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
2	VU MẠNH THĂNG	TD2	11	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	98	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGỌC DUNG	TD2	06	1	3	60	70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH ANH	TD2	10	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH BINH	TD2	05	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DỤC	TD2	03	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	04	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ VĂN HUY	TD2	07	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	14	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VĂN HOANG	TD2	02	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGHĨA	TD2	15	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG ANH ĐỨC	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN MẠNH	TD2	14	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG TIỀN	TD2	13	1	14		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	09	1	13		61	KHOAN	Vietnamese
17	BUI BẠCH DƯƠNG	TD2	16-17	2	17		65	DVL	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG HÀ	CLO	31-32	2	11	20	65	KHOAN	Vietnamese
19	KRAINOV	JS2	099	1	8		90	KHOAN	Russian
20	DZARKOV	JS2	88	1	5		135	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN HAI ĐĂNG	JS2	99	1	15	55	87	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	JS2	200	1	8		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	17	122	1.138	60	14		
2	CLO	1	2	11	65	20	4		
3	JS2	4	4	36	387	55	3		
TOTAL		22	23	169	1.590	135	21		
WEIGHT KG				169	1.590	135			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2017	TO: MRM	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hoài - ATUÁN	ETA: 10:40
<i>Xanh - 1</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BARUEV A	MRM	900	1	12		115	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	1	1	12	115	0	19		
TOTAL		1	1	12	115	0	19		
WEIGHT KG				12	115	0			

GRAND TOAL: 127 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

1900 kgs < (Đi)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2017	TO: PVD2 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - CHIÊN - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN QUYET	PVD2	02	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG TAM	PVD2	01	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TU DO	PVD2	03.	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
4	KODZOIEV M.M	RP2	62	1	10		93	KHOAN	Russian
5	VU TRONG HACH	RP2	75	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	DAO DANH THANH	RP2	65	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
7	VU CAO BANG	RP2	63	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUY THAI	RP2					70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HAO	RP2	61	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THINH	RP2	60	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
11	LE HUY TUYEN	RP2	71	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
12	VU TIEN DUNG	RP2	69	1	4	60	56	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH CAO TRONG	RP2	68	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG DUNG	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THIEN TUAN	RP2	67	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN SON	RP2	70	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
17	YANCHENKO	RP2	64	1	13		80	ANTOAN	Russian
18	DO VAN QUYET	RP2	65	1	2		67	H-DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	3	3	21	217	0	6		
2	RP2	15	13	73	1.057	60	16		
TOTAL		18	16	94	1.274	60	22		
WEIGHT KG				94	1.274	60			

GRAND TOAL: 1.428 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN